

Số: 495/QĐ-ĐHCN

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 945/QĐ-TTg ngày 04/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4811/QĐ-BCT ngày 29/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 630/QĐ-ĐHCN ngày 18/6/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Kế hoạch số 02/KH-ĐHCN ngày 02/01/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc Chính sửa Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc Thông qua Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2019 tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Xét đề nghị của Ông Giám đốc Trung tâm đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, bao gồm Chương trình khung và Đề cương chi tiết các học phần.

(Danh sách và nội dung Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng đào tạo trình độ thạc sĩ cho các khoá tuyển sinh từ tháng 6 năm 2019 trở đi.

Điều 3. Các Ông (Bà) Giám đốc TT. Đào tạo Sau đại học, Trưởng các khoa đào tạo, Trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Lưu: VT, SĐH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Trần Đức Quý



DANH SÁCH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số 495/QĐ-ĐHCN ngày 17/5/2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
về việc Ban Hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ)

Stt	Tên ngành đào tạo	Mã ngành	Khoa Chuyên môn quản lý	Ghi chú
1.	Kỹ thuật Cơ khí	8520103	Khoa Cơ khí	
2.	Kỹ thuật Cơ khí động lực	8520116	Khoa Công nghệ Ô tô	
3.	Kỹ thuật Cơ điện tử	8520114	Khoa Cơ khí	
4.	Kỹ thuật Hóa học	8520301	Khoa Công nghệ Hoá	
5.	Kỹ thuật Điện tử	8520203	Khoa Điện tử	
6.	Kỹ thuật Điện	8520201	Khoa Điện	
7.	Kế toán	8340301	Khoá Kế toán – Kiểm toán	
8.	Quản trị kinh doanh	8340101	Khoa Quản lý Kinh doanh	
9.	Hệ thống thông tin	8480104	Khoa Công nghệ Thông tin	



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 495/QĐ-DHCN ngày 17 tháng 5 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
Mã số:	8340101
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

❖ Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh đảm bảo tính quốc tế, đồng thời chú trọng vào điều kiện cụ thể của nền kinh tế Việt Nam. Chương trình cung cấp những kiến thức nâng cao, cập nhật về hoạch định chiến lược kinh doanh, quản trị các nguồn lực trong doanh nghiệp, xây dựng và phát triển mối quan hệ với khách hàng nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững cho tổ chức, doanh nghiệp. Học viên tốt nghiệp chương trình có: đạo đức và lương tâm nghề nghiệp; thái độ hợp tác với đồng nghiệp; ý thức tôn trọng pháp luật, các quy tắc nơi làm việc; đưa ra được các quyết định lãnh đạo, quản trị kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa.

❖ Mục tiêu cụ thể

+ Kiến thức:

Có kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh như hoạch định chiến lược kinh doanh, quản trị nguồn nhân lực, quản trị sản xuất, quản trị chất lượng, quản trị tài chính, quản trị thương hiệu, quản trị chuỗi cung ứng, kinh doanh quốc tế.

+ Kỹ năng:

Có kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm để hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo của một nhà quản trị kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa.

+ Thái độ:

Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp; thái độ hợp tác với đồng nghiệp; ý thức tôn trọng pháp luật, các quy tắc nơi làm việc.

+ Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

Học viên tốt nghiệp có thể: (i) đảm nhiệm vị trí lãnh đạo, quản lý cấp cao, cấp trung gian trong các tổ chức, doanh nghiệp; (ii) khả năng khởi nghiệp, tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân; (iii) nghiên cứu viên, giảng viên của các trường đại học và viện nghiên cứu.

+ Trình độ Ngoại ngữ:

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên (HV) đạt được tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo toàn khóa: 2 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ tích lũy: 45 tín chỉ (TC).

4. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp Đại học, hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ vào quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

6. Thang điểm

Thang điểm chữ theo hệ hổng đào tạo tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

7. Chương trình đào tạo

7.1. Khái quát chương trình

Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian quy định là 2 năm, hoàn thành chương trình trong 4 học kỳ. Thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ, để hoàn thành chương trình học viên có thể kéo dài tối đa 4 năm (Bảng 7.1).

Bảng 7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
1	Phần 1. Kiến thức chung	5
	Triết học	3
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
2	Phần 2. Kiến thức cơ sở	13
	Phần kiến thức cơ sở bắt buộc	5
	Phần kiến thức cơ sở tự chọn	8
3	Phần 3. Kiến thức chuyên ngành	17
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	11
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	6
4	Phần 4. Luận văn tốt nghiệp	10
	Luận văn tốt nghiệp	10
Tổng số		45

7.2 Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 7.2 Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL TT/LV
I	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			5	3	2
1	LP	7101	Triết học	3	2	1
2	BM	7109	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			13	11	2
2.1	Các học phần cơ sở bắt buộc			5	4	1
1	BM	7104	Kinh tế học ứng dụng	3	3	0
2	BM	7108	Lý thuyết quản trị kinh doanh	2	1	1
2.2	Các học phần cơ sở tự chọn (chọn 8 tín chỉ trong các học phần sau)			8	7	1
2.2.1	Nhóm cơ sở tự chọn A (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)			6	6	0
1	BM	7103	Kinh doanh quốc tế	3	3	0
2	BM	7114	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	0
3	BM	7121	Thị trường tài chính và định chế tài chính	3	3	0
4	BM	7111	Quản lý công nghệ	3	3	0
2.2.2	Nhóm cơ sở tự chọn B (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)			2	1	1
1	BM	7102	Hành vi tổ chức	2	2	0
2	BM	7123	Văn hóa trong kinh doanh	2	1	1
3	BM	7110	Quan hệ công chúng	2	1	1
4	LP	7102	Pháp luật về kinh doanh	2	1	1
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			17	9	8
3.1	Các học phần chuyên ngành bắt buộc			11	6	5
1	BM	7113	Quản trị chiến lược	2	1	1
2	BM	7116	Quản trị nhân lực	3	2	1
3	BM	7118	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	1	1
4	BM	7119	Quản trị thương hiệu	2	1	1

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL TT/LV
5	BM	7105	Kỹ năng lãnh đạo	2	1	1
3.2	Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)			6	3	3
1	BM	7101	Đấu thầu	2	1	1
2	BM	7117	Quản trị rủi ro	2	1	1
3	BM	7107	Lượng hóa quản trị sản xuất	2	1	1
4	BM	7122	Thương mại điện tử	2	1	1
5	BM	7115	Quản trị dự án	2	1	1
6	BM	7120	Tinh thần doanh nhân	2	1	1
7	BM	7112	Quản trị chất lượng	2	1	1
IV	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP			10	0	10
1	BM	7125	Luận văn thạc sĩ	10	0	10
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)				45	23	22

(*) - Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên (HV) đạt được tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

8. Tiến trình và kế hoạch đào tạo

8.1. Tiến trình đào tạo

Bảng 8.1. Tiến trình đào tạo

(thể hiện mối quan hệ giữa các học phần trong chương trình đào tạo)

Học kỳ I		Học kỳ II		Học kỳ III		Học kỳ IV	
Mã học phần	Kiến thức	Mã học phần	Kiến thức	Mã học phần	Kiến thức	Mã học phần	Kiến thức
LP7001	Kiến thức chung	7103	Cơ sở tự chọn A	BM7119	Chuyên ngành bắt buộc	BM7125	Luận văn tốt nghiệp
BM7009		7114		BM7105			
		7121					
		7111		BM7101	Chuyên		

Học kỳ I		Học kỳ II		Học kỳ III		Học kỳ IV	
Mã học phần	Kiến thức	Mã học phần	Kiến thức	Mã học phần	Kiến thức	Mã học phần	Kiến thức
BM7004	Cơ sở bắt buộc	BM7102	Cơ sở tự chọn B	BM7117	ngành tự chọn		
		BM7123		BM7107			
BM7008		BM7110		BM7122			
LP7102		BM7115					
BM7018	Chuyên ngành bắt buộc	BM7113	Chuyên ngành bắt buộc	BM7120			
		BM7116		BM7112			

8.2. Kế hoạch đào tạo toàn khóa theo hình thức tập trung

Bảng 8.2. Kế hoạch đào tạo toàn khóa

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV
I	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			5				
1	LP	7101	Triết học	3	X			
2	BM	7109	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	X			
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			13				
2.1	Các học phần cơ sở bắt buộc			5				
1	BM	7104	Kinh tế học ứng dụng	3	X			
2	BM	7108	Lý thuyết quản trị kinh doanh	2	X			
2.2	Các học phần cơ sở tự chọn (chọn 8 tín chỉ trong các học phần sau)			8				
2.2.1	Nhóm cơ sở tự chọn A (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)			6				
1	BM	7103	Kinh doanh quốc tế	3		X		
2	BM	7114	Quản trị chuỗi cung ứng	3		X		
3	BM	7121	Thị trường tài chính và định chế tài chính	3		X		

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV
4	BM	7111	Quản lý công nghệ	3		X		
2.2.2	<i>Nhóm cơ sở tự chọn B (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			2				
1	BM	7102	Hành vi tổ chức	2		X		
2	BM	7123	Văn hóa trong kinh doanh	2		X		
3	BM	7110	Quan hệ công chúng	2		X		
4	LP	7102	Pháp luật về kinh doanh	2		X		
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			17				
3.1	Các học phần chuyên ngành bắt buộc			11				
1	BM	7113	Quản trị chiến lược	2		X		
2	BM	7116	Quản trị nhân lực	3		X		
3	BM	7118	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	X			
4	BM	7119	Quản trị thương hiệu	2			X	
5	BM	7105	Kỹ năng lãnh đạo	2			X	
3.2	Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)			6				
1	BM	7101	Đấu thầu	2			X	
2	BM	7117	Quản trị rủi ro	2			X	
3	BM	7107	Lượng hóa quản trị sản xuất	2			X	
4	BM	7122	Thương mại điện tử	2			X	
5	BM	7115	Quản trị dự án	2			X	
6	BM	7120	Tinh thần doanh nhân	2			X	
7	BM	7112	Quản trị chất lượng	2			X	
IV	PHẦN LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP			25				
1	BM	7125	Luận văn tốt nghiệp	10				X
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)				45	12	13	10	10

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

❖ Giờ qui đổi được tính như sau:

01 Tín chỉ = 15 giờ giảng trên lớp (1 giờ giảng = 50 phút);

01 Tín chỉ = 30 giờ thí nghiệm, thực hành;

01 Tín chỉ = 50 giờ làm luận văn tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo ngành là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ chương trình đào tạo ngành, Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần theo quy định của trường sao cho vừa đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường, đáp ứng được nhu cầu của người học và của xã hội. Trên cơ sở đề cương chi tiết học phần, tiến hành xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc phục vụ đào tạo. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm ký, duyệt đề cương chi tiết học phần, xây dựng kế hoạch dạy học, và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra.

❖ **Trong quá trình thực hiện chương trình giảng viên cần lưu ý:**

- Giảng viên thực hiện trên lớp học lý thuyết cần được trang bị máy chiếu projector, máy tính, nối mạng internet. Khi giảng dạy cần lấy các ví dụ liên hệ thực tiễn minh họa đề bài giảng sinh động.

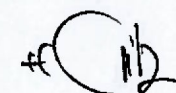
- Trong quá trình thực hiện chương trình, hàng năm nếu Khoa/Bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế làm văn bản trình lên Hội đồng khoa học và đào tạo Trường xem xét. Nếu thấy hợp lý, Hội đồng khoa học và đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh và chỉ điều chỉnh khi có quyết định của Hiệu trưởng.

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2019

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Trần Đức Quý


TS. Thân Thanh Sơn
